

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2025/HS-PT

Ngày 06 - 5 - 2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Xuân Miến

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Trọng Quế

Ông Huỳnh Văn Út

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Kim Yến là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Lê Kiều Diễm – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở, Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 26/2025/TLPT-HS ngày 19 tháng 3 năm 2025 đối với bị cáo Trần Văn T do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 05/2025/HS-ST ngày 17 tháng 02 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau.

- Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: **Trần Văn T**, sinh năm 1971 tại thành phố Đà Nẵng;

Nơi cư trú: Khóm 3, thị trấn Rạch Gốc, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: Hiệu trưởng Trường trung học cơ sở Tam Giang Tây, huyện Ngọc Hiển; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn Tr (đã chết) và bà Nguyễn Thị H (đã chết); vợ: Lê Thị Tu và có 02 người con; tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giam từ ngày 15/8/2024 cho đến nay; có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Quách Trọng Phú – Luật sư của Chi nhánh Văn phòng luật sư Thành Hưng thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Không triệu tập

Ông Ngô Minh Tân, sinh năm 1986; bà Trương Ngọc Hân, sinh năm 1984; bà Huỳnh Mộng Diêu, sinh năm 1982; ông Trần Minh Dũng, sinh năm 1990; bà Nguyễn Thu Tuyền, sinh năm 1988; bà Võ Thu Hồng, sinh năm 1984; ông Nguyễn Tiến Lực, sinh năm 1980; bà Đỗ Thuỳ Ngân, sinh năm 1988; ông Lê Huy Tuấn,

sinh năm 1985; ông Mã Văn Dợt, sinh năm 1982; ông Trương Hoàng Tây, sinh năm 1983; ông Lâm Minh Triều, sinh năm 1988.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 14/7/2022, Trần Văn T nhận nhiệm vụ Hiệu trưởng Trường trung học cơ sở Tam Giang Tây, thấy Trường thiếu một số thiết bị phục vụ cho công tác dạy học nên Trần Văn T thông báo ra Hội đồng sư phạm nhà trường biết và thực hiện việc mua sắm. Quá trình thực hiện mua sắm, T đã có những sai phạm trong thanh toán, cụ thể:

Lần thứ nhất: - Khoảng cuối tháng 12/2022, T đến Công ty TNHH MTV Huỳnh Khải Ngọc Hiên (viết tắt Công ty Huỳnh Khải) mua vật tư để làm một số sản phẩm cho Trường. Ngày 29/12/2022, Công ty Huỳnh Khải ra hoá đơn giá trị gia tăng với số tiền 12.210.000đ (*tiền vật tư 10.000.000đ, phí vận chuyển 1.000.000đ, thuế GTGT 1.110.000đ*). Ngày 30/12/2022, T duyệt chi thanh toán cho Công ty Huỳnh Khải 11.000.000đ, còn lại 1.210.000đ thì T xuất tiền cá nhân chi trả. Trong 12.210.000đ thì có 5.500.000đ là tiền vật tư cá nhân của T nợ trước đó. Cấp sơ thẩm xác định bị cáo chiếm giữ 4.290.000đ (5.500.000đ – 1.210.000đ).

Theo yêu cầu của T, ngày 28/12/2022 Doanh nghiệp tư nhân Huỳnh Mộng Diêu (Doanh nghiệp Mộng Diêu) ra hoá đơn xuất bán cho T chiếc Ghế thang kềm với số tiền 1.850.000đ nhưng không có bán chiếc ghế thành phẩm. Ngày 30/12/2022, T duyệt chi thanh toán cho Doanh nghiệp Mộng Diêu số tiền 1.850.000đ, đối trừ 185.000đ tiền thuế hoá đơn (10%), còn lại T nhận tiền mặt 1.665.000đ. Cấp sơ thẩm xác định T chiếm đoạt 1.850.000đ.

Tuy nhiên, ngày 13/01/2023, T xuất chi trả 2.332.000đ tiền mua nước sơn hàng rào, nên cấp sơ thẩm kết luận số tiền T chiếm đoạt lần này là 3.808.000đ ($4.290.000đ + 1.850.000đ - 2.332.000đ$).

Lần thứ hai: Theo yêu cầu của T, ngày 28/02/2023 Doanh nghiệp tư nhân Mộng Diêu ra hoá đơn xuất bán cho T chiếc kệ ti vi với số tiền 3.450.000đ nhưng không có bán chiếc ghế thành phẩm. Ngày 10/3/2023, T duyệt chi thanh toán cho Doanh nghiệp Mộng Diêu số tiền 3.450.000đ, đối trừ 345.000đ tiền thuế hoá đơn (10%), còn lại T nhận tiền mặt 3.105.000đ. Cấp sơ thẩm xác định T chiếm đoạt 3.450.000đ.

Theo yêu cầu của T, ngày 10/3/2023 Doanh nghiệp tư nhân Trần Minh Dững (viết tắt Doanh nghiệp Minh Dững) ra hoá đơn xuất bán cho T chiếc kệ ti vi với số tiền 3.450.000đ nhưng không có bán kệ ti vi thành phẩm. Ngày 20/3/2023, T duyệt chi thanh toán cho Doanh nghiệp Minh Dững số tiền 3.450.000đ, đối trừ 172.500đ tiền thuế hoá đơn (5%), còn lại T nhận tiền mặt 3.277.500đ. Cấp sơ thẩm xác định T chiếm đoạt 3.450.000đ. Số tiền T chiếm đoạt lần hai là 6.900.000đ.

Tổng số tiền T chiếm đoạt của 02 lần là 10.708.000đ ($6.900.000đ + 3.808.000đ$).

Bản án hình sự sơ thẩm số 05/2025/HS-ST ngày 17 tháng 02 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau, quyết định:

Căn cứ điểm c khoản 2 và khoản 5 Điều 353, điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 51, khoản 1 và khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 136, khoản 1 Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Bị cáo Trần Văn T phạm tội “*Tham ô tài sản*”.

Xử phạt: Bị cáo Trần Văn T 07 năm tù.

Phạt bổ sung: Cấm đảm nhiệm chức vụ đối với bị cáo T trong thời hạn 02 năm, sau khi bị cáo đã chấp hành án.

Tịch thu số tiền 10.708.000đ bị cáo chiếm đoạt để sung vào ngân sách Nhà nước.

Ngoài ra, án sơ thẩm tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 27 tháng 02 năm 2025, bị cáo Trần Văn T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt với lý do bị cáo thực hiện sai về nguyên tắc tài chính chứ không chiếm đoạt tiền cho cá nhân với cơ sở:

Bị cáo là giáo viên nhưng cũng là thợ hàn nên có nhận làm bảng hiệu cho Công ty Kim Lân tại Trường. Quá trình làm do tay nghề khéo léo nên tiết kiệm, danh mục được một số vật liệu vụn. Bị cáo đã sử dụng vật liệu vụn và mua thêm làm *Ghế thang kềm*, *02 kệ ti vi*. Cụ thể:

Tháng 12/2022, Trường lập dự toán mua 01 ghế thang kềm với số tiền 1.850.000đ và mua vật tư làm 04 tủ đựng thiết bị với số tiền 11.000.000đ. Trong thời gian chờ Phòng giáo dục phê duyệt thì T đã sử dụng những vật liệu vụn mà T đã tích lũy, dành dụm từ trước làm hoàn thành chiếc ghế thang đưa vào sử dụng. Trong tháng 12/2022, được phê duyệt T tiếp tục mua vật tư của Doanh nghiệp Huỳnh Khải để làm. Trong quá trình làm 04 tủ đựng thiết bị thì T đã sử dụng những vật liệu vụn mà mua thêm vật tư làm ra được 02 kệ ti vi.

Đã được phê duyệt nên T rút chuyển khoản cho Doanh nghiệp Huỳnh Khải trả 11.000.000đ trong đó có 5.500.000đ nợ cá nhân nhưng bị cáo có xuất trả 1.210.000đ nên còn 4.290.000đ. Đồng thời, T duyệt thanh toán ghế thang kềm 1.850.000đ. Như vậy, tổng số tiền được thanh toán đôi là 5.955.000đ. Số tiền này T đã chi: Mua nước sơn 2.332.000đ; mua vật tư sửa hàng rào hơn 3.000.000đ; mua dụng cụ giảng dạy 650.000đ; trả phần mềm quản lý văn bản 5.280.000đ.

Tháng 3/2023, T duyệt chi trả 02 kệ ti vi 6.900.000đ nhưng chi trả cho mua hoá đơn 520.000đ còn nhận lại 6.380.000đ. Số tiền này T chi trả tiền thuê kế toán 6.000.000đ; phô tô tài liệu và đặt cơm để tiếp đoàn thanh tra 2.056.000đ.

Tại phiên toà, bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 355, Điều 358 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Huỷ Bản án sơ thẩm số 05/2025/HS-ST ngày 17 tháng 02 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiến; giao hồ sơ về cấp sơ thẩm để điều tra lại, do vi phạm về tố tụng và điều tra chưa đầy đủ.

- *Bị cáo*: Thống nhất với quan điểm và đề nghị của Viện kiểm sát.

- *Người bào chữa cho bị cáo*: Thống nhất với quan điểm và đề nghị của Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Quá trình điều tra, truy tố, xét xử, cấp sơ thẩm xác định: Trần Văn T đã chiếm đoạt 10.708.000đ là nguồn kinh phí hoạt động thường xuyên của Trường Trung học cơ sở Tam Giang Tây. Song, quá trình điều tra, truy tố, xét xử cấp sơ thẩm không ghi lời khai, không đưa người đại diện theo pháp luật của Trường vào tham gia tố tụng để xác định thiệt hại thực tế của Trường cũng như thực hiện quyền và nghĩa vụ của người bị hại trong vụ án là vi phạm tố tụng.

[2]. Ngoài ra, số tiền bị cáo chiếm đoạt là kinh phí hoạt động thường xuyên của Trường nhưng án sơ thẩm tuyên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước là sai.

[3]. Về nội dung: Cấp sơ thẩm kết luận, *lần thứ nhất*: Bị cáo sử dụng tiền của Trường thanh toán nợ cá nhân 4.290.000đ và thanh toán không 1.850.000đ tiền mua ghế thang kềm tại hoá đơn ngày 28/12/2022 do Doanh nghiệp Mộng Điều xuất, tổng 02 khoản là 6.140.000đ nhưng ngày 13/01/2023 đã chi 2.332.000đ trả tiền nước sơn nên còn lại 3.808.000đ.

Lần thứ hai: Thanh toán không 3.450.000đ mua kệ ti vi tại hoá đơn ngày 28/02/2023 do Doanh nghiệp Mộng Điều xuất và 3.450.000đ tại hoá đơn ngày 10/3/2023 do Doanh nghiệp Minh Dũng xuất, tổng 02 khoản là 6.900.000đ. Các sản phẩm này (*Ghế thang kềm, 02 kệ ti vi*) không mua thật mà sử dụng vật tư đã mua trước đó làm ra, vật tư trước đó đã được thanh toán (*hoá đơn 0040 ngày 29/12/2022, hoá đơn 10 ngày 14/9/2022, hoá đơn 02 ngày 20/8/2022*).

Từ đó, cấp sơ thẩm truy tố, xét xử bị cáo tham ô số tiền 10.708.000đ.

[4]. Xét kháng cáo của bị cáo:

[4.1]. Về thiệt hại.

Bị cáo kháng cáo cho rằng, bị cáo không gây thiệt hại, với cơ sở: Tổng vật tư đã mua với số tiền trên, nếu giao khoán cho người khác nhận làm thì các sản phẩm làm ra sẽ không có được chiếc ghế thang và 02 kệ ti vi. Do bị cáo là giáo viên nhưng là người có tay nghề về thợ hàn nên bị cáo mua vật tư về làm để tận dụng những vụn vật. Do khéo léo biết cách thiết kế, sử dụng vật tư nên trong quá trình thi công đã có dư dôi. Bị cáo sử dụng lại những vật tư vụn vật, dư dôi đó và mua thêm một ít vật tư nên làm ra thêm được chiếc ghế thang kềm và 02 kệ ti vi.

Xét thấy: Bị cáo nhận nhiệm vụ Hiệu trưởng vào tháng 7/2022, qua kiểm tra thấy Trường còn thiếu nhiều dụng cụ phục vụ để chuẩn bị cho khai giảng và dạy học năm học mới nên đã họp Hội đồng sư phạm vào tháng 8/2022, tập thể giáo viên đã thống nhất mua sắm thiết bị cho Trường. Từ đó, bị cáo đã tiến hành mua vật tư, cụ thể: Công ty Huỳnh Khải có bán vật tư và xuất hoá đơn vào ngày 20/8/2022 số tiền 4.950.000đ, ngày 14/9/2022 số tiền 4.461.000đ, ngày 29/12/2022 số tiền 6.710.000đ.

Doanh nghiệp Kim Lên có bán vật tư cho bị cáo nhưng ngày 30/8/2022 ra hoá đơn ghi bán sản phẩm thành phẩm là khung ảnh Bức số tiền 4.450.000đ; ngày 13/9/2022 bán Bảng ngan sân khấu 4.900.000đ và ngày 16/9/2022 bán 02 Bảng cánh gà sân khấu 4.900.000đ.

Doanh nghiệp Minh Dững có bán vật tư cho bị cáo nhưng ngày 10/3/2023 ra hoá đơn ghi bán kệ ti vi số tiền 3.450.000đ.

Chứng cứ có tại hồ sơ cho thấy bị cáo có mua vật tư về và thuê người cùng bị cáo tự làm các sản phẩm. Như vậy, việc mua vật tư về tự làm đối với người có tay nghề khéo léo thì việc dư dôi, vật tư và tận dụng các vụn vật và mua thêm để có thêm sản phẩm trong thực tiễn cũng có thể xảy ra. Mặt khác, lời khai của bị cáo cũng như lời khai của ông Trần Minh Dững (Doanh nghiệp Minh Dững), lời khai bà Huỳnh Mộng Diêu (Doanh nghiệp Mộng Diêu) cho rằng bị cáo có mua vật tư để làm kệ ti vi. Song, cấp sơ thẩm chỉ căn cứ vào việc bị cáo thừa nhận có sử dụng vật tư đã thanh toán để làm sản phẩm và sử dụng hoá đơn không có hàng hoá thành phẩm thật kèm theo để thanh toán từ đó quy kết đối với bị cáo là chưa đảm bảo đủ cơ sở vững chắc và có tính thuyết phục.

Do đó, cần thiết phải định giá toàn bộ sản phẩm của bị cáo đã làm để so sánh với số tiền mà Nhà Trường đã chi (*thanh toán vật tư, công thợ*), có như vậy mới có đủ chứng cứ vững chắc để kết luận. Song, còn rất nhiều sản phẩm chưa được cấp sơ thẩm cho định giá gồm: 01 khung nhà kho hành chính; 01 khung nhà kho phòng thực hành; 01 kệ ti vi nhỏ; 04 kệ thiết bị; 01 bảng khánh tiết; 01 khung thông báo; chân cột cờ phướn.

[4.2]. Ý thức chiếm đoạt.

Ngày 30/12/2022, bị cáo duyệt chi thanh toán hoá đơn cho Công ty Huỳnh Khải số tiền 11.000.000đ trong đó có số tiền 5.500.000đ của bị cáo. Tuy nhiên bị cáo có xuất 1.210.000đ trả nên đối trừ, còn 4.290.000đ; cũng trong ngày 30/12/2022 bị cáo duyệt chi thanh toán cho Doanh nghiệp Mộng Diêu số tiền 1.850.000đ để trả tiền chiếc Ghế thang kẽm và bị cáo đã nhận lại tiền 1.665.000đ (*do trả tiền thuế 10%*). Như vậy, ngày 30/12/2022 bị cáo đã nhận 5.955.000đ. Song, ngày 13/01/2023 bị cáo chi trả tiền mua nước sơn hàng rào số tiền 2.332.000đ nên còn lại 3.623.000đ. Tại Đơn đề nghị xem xét ngày 08/10/2024 bị cáo cho rằng, bị cáo có chi trả tiền vật liệu sửa chữa hàng rào hơn 3.000.000đ (BL: 725). Tại các bản cung bị cáo có trình bày: Việc mua sơn nằm trong phần duyệt chi chứng từ ngày 06/3/2023 về việc sửa hàng rào. Tại phiếu duyệt chi ngày 06/3/2023, bị cáo duyệt chi 6.097.000đ trả cho 02 hoá đơn (*Hoá đơn ngày 13/01/2023 tiền mua nước sơn 2.332.000đ; Hoá đơn ngày 07/02/2023 tiền mua vật*

tư sửa hàng rào số tiền 3.765.000.000đ). Bà Nguyễn Thu Tuyền – Kế toán của Trường xác định có sửa chữa hàng rào nhưng không biết vật tư từ đâu có (BL: 390, 395). Như vậy, vật tư làm hàng rào với số tiền 3.765.000đ tại hoá đơn của Công ty TNHH MTV Nhà máy cán tôn Chí Toàn ở Khóm 4, thị trấn Rạch Gốc, huyện Ngọc Hiển xuất bán chưa được cấp sơ thẩm điều tra làm rõ; Nếu bị cáo chỉ trả thì từ nguồn tiền nào, thanh toán vào thời gian nào, tác động nào bị cáo lại chi trả.

Đối với số tiền 6.900.000đ: Ngày 10/3/2023 bị cáo duyệt chi thanh toán cho Doanh nghiệp Mộng Diệu số tiền 3.450.000đ để trả chiếc kệ ti vi và bị cáo đã nhận lại số tiền 3.105.000đ (*do trả tiền thuế 10%*). Ngày 20/3/2023 bị cáo duyệt chi thanh toán cho Doanh nghiệp Minh Dũng số tiền 3.450.000đ để trả chiếc kệ ti vi và bị cáo đã nhận lại tiền 3.277.500đ (*do trả tiền thuế 5%*). Tổng số tiền bị cáo nhận của 02 hoá đơn là 6.382.500đ.

Số tiền này bị cáo cho rằng đã chi 1.604.000đ tiền mua vật tư làm 02 kệ ti vi có hoá đơn lẻ kèm theo. Lời khai của ông Dũng, bà Diệu xác định có bán vật tư cho bị cáo làm kệ ti vi (BL: 325 – 327, 346 – 348). Số tiền còn lại 4.776.000đ bị cáo cho rằng cuối tháng 3/2023 bị cáo đã báo cáo với tập thể và giao cho giáo viên Phạm Văn Hoàng giữ và sau đó chi trả tiền thuê kế toán và chi phí tiếp đoàn thanh tra. Tại Biên bản ngày 31/3/2023 có chữ ký tên của ông Phạm Văn Hoàng, Thư ký ghi biên bản là ông Mã Văn Dợt thể hiện có thông báo số tiền 4.776.000đ. Lời khai của ông Dợt vào ngày 18/02/2024 thì xác định có cuộc họp diễn ra như Biên bản ngày 31/3/2023 nhưng lời khai ngày 18/7/2024 lại phủ nhận có cuộc họp như biên bản ngày 31/3/2024 (BL: 286, 385). Lời khai của Phạm Văn Hoàng xác định có cuộc họp diễn ra như Biên bản ngày 31/3/2023 (BL: 364).

Ngoài ra, bị cáo còn cho rằng bị cáo còn chi trả tiền công tác phí tại Hà Nội với số tiền 3.860.000đ chứng từ thể hiện vào tháng 11/2022 (BL: 807 – 811). Trả tiền công cho Ngô Minh Tân làm 03 chiếc kệ ti vi khoản 3.000.000đ. Tuy nhiên khi nhận tiền công 7.300.000đ làm các sản phẩm khác trong đó có tiền công của bị cáo khoản 3.000.000đ bị cáo giao cho ông Tân nên ông Tân không nhận tiền công làm 03 kệ ti vi. Do đó, bị cáo được hưởng tiền công làm 03 kệ ti vi khoản 3.000.000đ. Đồng thời, tại các biên bản ghi lời khai cũng như Đơn xem xét ngày 08/10/2024 bị cáo có trình bày trong số tiền chiếm giữ bị cáo có chi trả tiền phân mềm của mạng VNPT 5.280.000đ (*Hoá đơn số 00025211, ngày 31/10/2022 của VNPT*). Tại phiên toà bị cáo cho rằng có chỉ đạo Nguyễn Thu Tuyền – Kế toán chi trả nhưng không nhớ rõ nguồn nào. Tất cả các khoản chi mà bị cáo đặt ra chứng cứ mà cơ quan điều tra thu thập được còn mâu thuẫn, chưa được cấp sơ thẩm điều tra làm rõ, xem xét và kết luận.

Do cấp sơ thẩm có vi phạm tố tụng và nhiều sai sót như đã nhận định trên nên chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát, huỷ án sơ thẩm để điều tra lại theo quy định của pháp luật. Do huỷ án sơ thẩm nên không xem xét đến yêu cầu kháng cáo xin giảm hình phạt của bị cáo.

[5]. Do huỷ án nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 355; điểm b, c khoản 1 Điều 358 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điểm f khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Hủy Bản án hình sự sơ thẩm số: 05/2025/HS-ST ngày 17 tháng 02 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau; giao hồ sơ vụ án về cho Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Hiển để điều tra lại theo thủ tục chung.

Bị cáo Trần Văn T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Công an tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển;
- Công an huyện Ngọc Hiển;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Hiển;
- Chi cục THADS huyện Ngọc Hiển;
- Bị cáo, người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; Tòa HS; án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trịnh Xuân Miến